



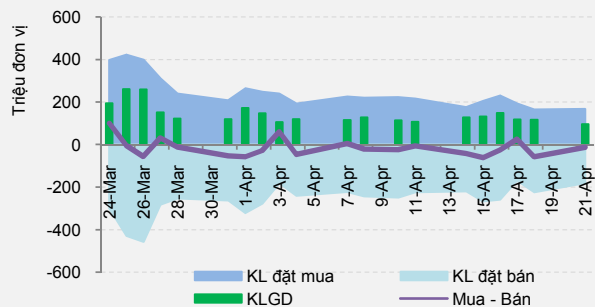
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 21/4/2014

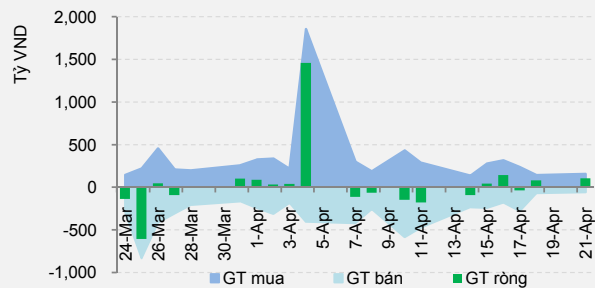
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	558.1	78.9
% Thay đổi	↓ -1.3%	↓ -2.1%
KLGD (CP)	95,569,640	74,637,015
GTGD (tỷ đồng)	1,503.93	859.77
Tổng cung (CP)	179,753,640	89,707,100
Tổng cầu (CP)	166,820,980	80,695,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	1,924,420	516,900
KL mua (CP)	6,820,400	2,875,300
GT mua (tỷ đồng)	158.58	45.93
GT bán (tỷ đồng)	55.42	6.63
GT ròng (tỷ đồng)	103.16	39.31

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -3.61%	11.4	2.2	4.6%
Công nghiệp	↓ -1.98%	29.7	1.2	15.5%
Dầu khí	↓ -3.18%	6.9	1.9	6.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.45%	18.7	1.8	2.7%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.62%	13.1	3.3	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.46%	14.1	4.8	7.4%
Ngân hàng	↓ -1.25%	9.8	1.3	12.2%
Nguyên vật liệu	↓ -0.75%	11.7	2.1	7.8%
Tài chính	↓ -2.16%	12.9	2.3	38.8%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -1.23%	12.3	4.6	4.2%
VN - Index	↓ -1.27%	14.0	3.1	63.7%
HNX - Index	↓ -2.12%	18.5	1.6	36.3%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,580,210	1.7%	349,830	0.4%
GTGD (tỷ VND)	39,920	2.7%	9,199,012	0.6%

TIẾP PHIÊN GIẢM ĐIỂM MẠNH - NHÓM CỔ PHIẾU VỪA VÀ NHỎ GIẢM MẠNH HƠN THỊ TRƯỜNG CHUNG

Nhận định: Thị trường tiếp tục xu hướng điều chỉnh giảm điểm. Mức độ giảm thấp hơn phiên giao dịch trước, khi nhóm cổ phiếu bluechips vốn hóa lớn giảm đà rơi. Tuy nhiên nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, nhóm cổ phiếu chứng khoán - vốn mang tính dẫn dắt dòng tiền - vẫn chịu áp lực bán mạnh.

Với phiên giảm mạnh hôm nay, chỉ số VN-Index đã giảm qua ngưỡng hỗ trợ 565 điểm, HNX-Index giảm qua ngưỡng hỗ trợ 79-80 điểm. Diễn biến giằng co tại ngưỡng hỗ trợ trong phiên không rõ rệt, cho thấy áp lực cung vẫn chiếm ưu thế. **Ngưỡng hỗ trợ mạnh hơn đối với VN-Index là khoảng 550 điểm, với HNX-Index là khoảng 76 điểm.**

Với thực tế nhiều cổ phiếu đã quay trở lại vùng giá tích lũy hấp dẫn, chúng tôi cho rằng thị trường có thể bật tăng trở lại, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật. Với thực tế động lực thị trường yếu, mức độ tăng điểm kỹ thuật dự kiến không nhiều.

Nhà đầu tư trung dài hạn tiếp tục TÍCH LŨY cổ phiếu ở phiên/thời điểm thị trường giảm sâu. Nhà đầu tư ngắn hạn chưa nên nóng vội tham gia thị trường. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng trong vòng 1-2 phiên tới có thể sẽ xuất hiện cơ hội đầu tư ngắn hạn cho nhà đầu tư có mức chấp nhận rủi ro cao.

- Chỉ số VN-Index giảm 7.19 điểm (1.27%), xuống 558.14 điểm, mức thấp nhất trong phiên.

- Chỉ số HNX-Index giảm 1.71 điểm (2.13%), xuống 78.87 điểm, sát mức thấp nhất trong phiên.

- Tổng dư nợ của các TCTD trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh đến cuối tháng 3/2014 đạt 954.000 tỷ đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2013. Tính riêng trong Q1, dư nợ tín dụng chỉ tăng 0,57% so với cuối năm 2013, trong đó dư nợ tiền đồng giảm 1,38%, dư nợ ngoại tệ tăng 2,96%. Nợ xấu trên địa bàn TP.HCM hiện nay là 45.850 tỷ đồng, chiếm 4,85% tổng dư nợ. So với cuối năm 2013, nợ xấu trên địa bàn thành phố tăng 1.153 tỷ đồng và nợ có khả năng mất vốn chiếm trên 73% tổng nợ xấu. Tỷ lệ này giảm nhẹ so với tỉ trọng nợ nhóm 5 thời điểm cuối năm 2013 (75,7%), tuy nhiên vẫn ở mức rất cao.

- Theo NHNN, tính đến 28/2, dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh BĐS đạt 266.728 tỷ đồng, tăng 1,8% so với đầu năm. Trong đó, tăng mạnh nhất là dư nợ cho vay mua quyền sử dụng đất là 16.924 tỷ đồng, tăng 7,5%, chiếm tỷ trọng 6,3%; dư nợ cho vay để đầu tư, kinh doanh bất động sản khác là 47.003 tỷ đồng, tăng 5,1%, chiếm tỷ trọng 17,6%.

- Cũng theo NHNN, tỷ lệ nợ xấu đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh BĐS đến cuối tháng 2/2014 là 3,06%, giảm so với tỷ lệ nợ xấu 3,38% tại thời điểm 31/12/2013. Kết quả này phù hợp với xu thế giảm của hàng tồn kho BĐS theo báo cáo của Bộ Xây dựng (khoảng 92.690 tỷ đồng, giảm 1.768 tỷ đồng, tương đương 1,87% so với tháng 12/2013).



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index giảm 7.19 điểm (1.27%), xuống 558.14 điểm, mức thấp nhất trong phiên.

- KLGD giảm 12% so với phiên giao dịch trước, xuống 93 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm xuống mức 32 điểm, gần mức quá bán. MACD 9 ngày rơi rộng khoảng cách phía dưới đường tín hiệu.

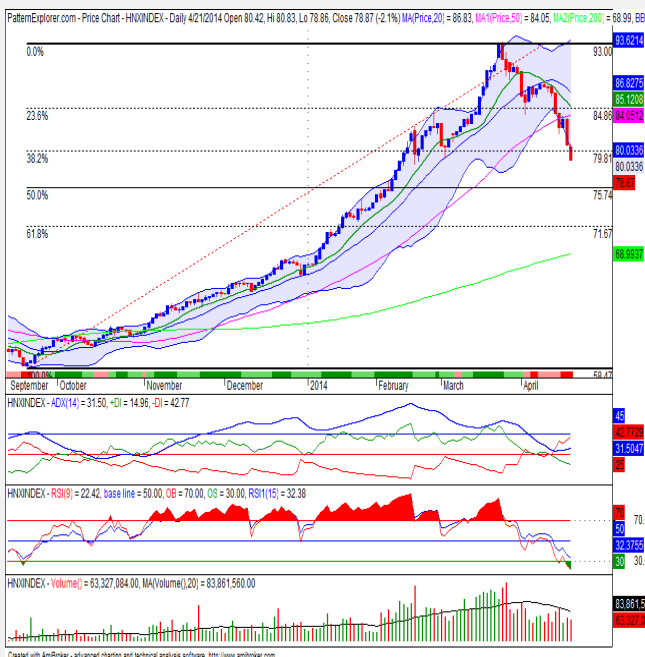
Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp tục xu hướng điều chỉnh giảm điểm. Mức độ giảm thấp hơn phiên giao dịch trước, khi nhóm cổ phiếu bluechips vốn hóa lớn giảm đà rơi. Tuy nhiên nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, nhóm cổ phiếu chứng khoán - vốn mang tính dẫn dắt dòng tiền - vẫn chịu áp lực bán mạnh.

Chỉ số VN-Index đã giảm qua ngưỡng hỗ trợ 565 điểm. Diễn biến giảm cơ tại ngưỡng hỗ trợ 565 điểm trong phiên không rõ rệt, cho thấy áp lực cung vẫn chiếm ưu thế. Ngưỡng hỗ trợ mạnh hơn đối với VN-Index là khoảng 550 điểm.

Với thực tế nhiều cổ phiếu đã quay trở lại vùng giá tích lũy hấp dẫn, chúng tôi cho rằng thị trường có thể bật tăng trở lại, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật. Với thực tế động lực thị trường yếu, mức độ tăng điểm kỹ thuật dự kiến không nhiều.

Nhà đầu tư trung dài hạn tiếp tục TÍCH LŨY cổ phiếu ở phiên/thời điểm thị trường giảm sâu. Nhà đầu tư ngắn hạn chưa nên nóng vội tham gia thị trường. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng trong vòng 1-2 phiên tới có thể sẽ xuất hiện cơ hội đầu tư ngắn hạn cho nhà đầu tư có mức chấp nhận rủi ro cao.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index giảm 1.71 điểm (2.13%), xuống 78.87 điểm, sát mức thấp nhất trong phiên.

- KLGD giảm 4% so với phiên giao dịch trước, xuống 63 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm xuống mức 31 điểm, sát mức quá bán. MACD 9 ngày gia tăng khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng giảm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục xu hướng điều chỉnh giảm điểm. Mức độ giảm thấp hơn phiên giao dịch trước, khi nhóm cổ phiếu bluechips vốn hóa lớn giảm đà rơi. Tuy nhiên nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, nhóm cổ phiếu chứng khoán - vốn mang tính dẫn dắt dòng tiền - vẫn chịu áp lực bán mạnh.

Chỉ số HNX-Index đã giảm qua ngưỡng hỗ trợ 79-80 điểm. Diễn biến giảm cơ tại vùng hỗ trợ trong phiên không rõ rệt, cho thấy áp lực cung vẫn chiếm ưu thế. Ngưỡng hỗ trợ mạnh hơn đối với HNX-Index là khoảng 76 điểm.

Với thực tế nhiều cổ phiếu đã quay trở lại vùng giá tích lũy hấp dẫn, chúng tôi cho rằng thị trường có thể bật tăng trở lại, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật. Với thực tế động lực thị trường yếu, mức độ tăng điểm kỹ thuật dự kiến không nhiều.

Nhà đầu tư trung dài hạn tiếp tục TÍCH LŨY cổ phiếu ở phiên/thời điểm thị trường giảm sâu. Nhà đầu tư ngắn hạn chưa nên nóng vội tham gia thị trường. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng trong vòng 1-2 phiên tới có thể sẽ xuất hiện cơ hội đầu tư ngắn hạn cho nhà đầu tư có mức chấp nhận rủi ro cao.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

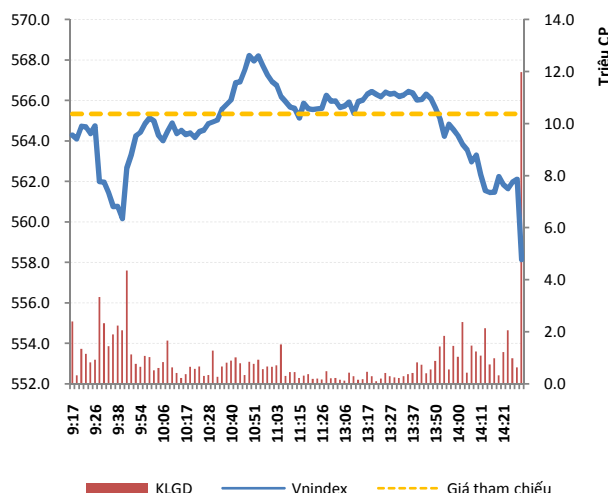
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 17/04/2014

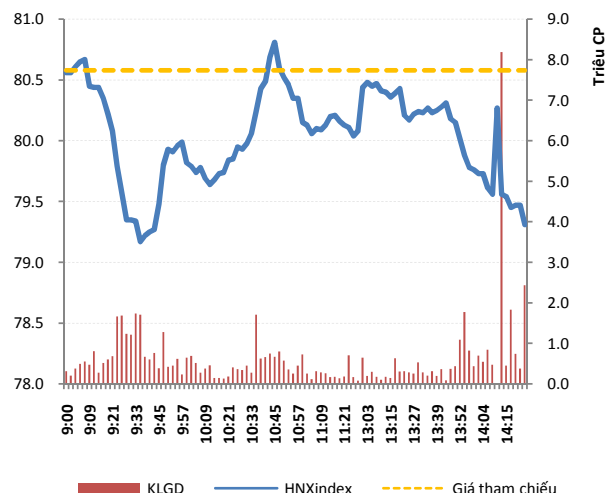


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

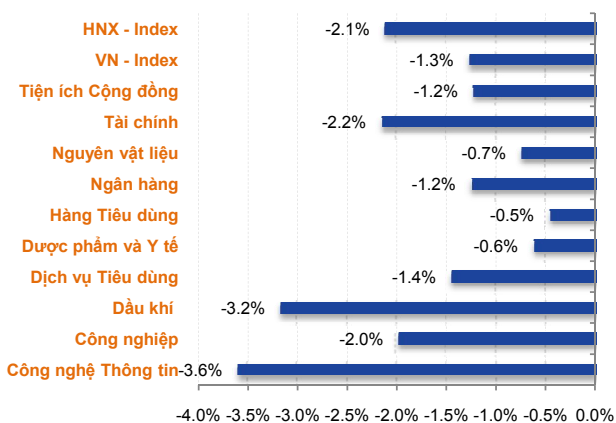
KLGD và VN-Index trong phiên



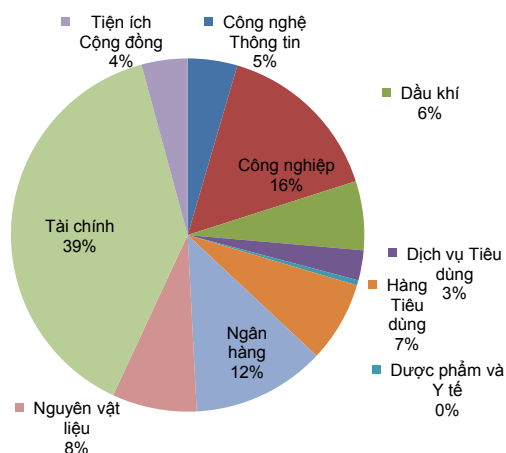
KLGD và HNX-Index trong phiên



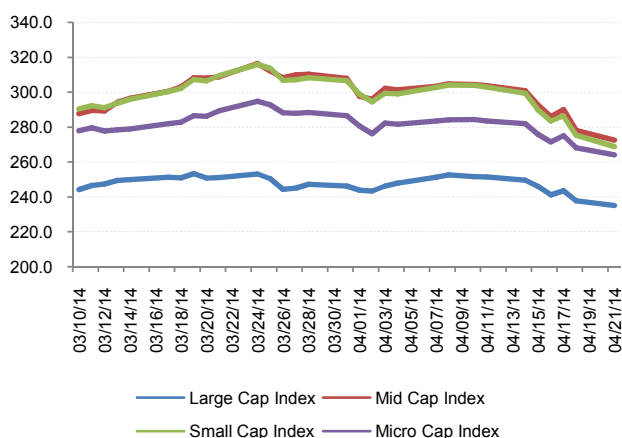
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



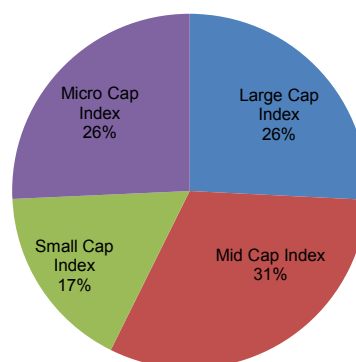
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KBC	760,120	ITA	437,450
2	PVT	546,000	VIC	109,940
3	DXG	529,690	BID	75,500
4	VCB	363,410	DCT	25,000
5	PPC	320,820	PVD	23,910

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCG	1,412,700	SHB	73,400
2	PVS	452,000	SHS	59,100
3	SDH	221,400	VIG	40,000
4	DBC	110,900	SRB	30,000
5	IVS	58,500	HPC	21,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	12.8	12.1	↓ -5.47%	11,314,600
ITA	8.7	8.3	↓ -4.60%	6,869,820
SSI	27.5	25.9	↓ -5.82%	5,246,180
HQC	7.4	7.0	↓ -5.41%	2,891,530
HAG	26.3	25.5	↓ -3.04%	2,504,730

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ACB	16.7	16.6	↓ -0.60%	8,670,185
SHB	10.1	9.5	↓ -5.94%	7,292,525
PVX	4.8	4.5	↓ -6.25%	7,277,400
KLS	12.1	11.5	↓ -4.96%	5,904,400
SCR	8.9	8.6	↓ -3.37%	5,617,600

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GIL	24.5	26.2	1.7	↑ 6.94%
RDP	13.0	13.8	0.8	↑ 6.15%
MPC	29.9	31.5	1.6	↑ 5.35%
TMT	7.5	7.9	0.4	↑ 5.33%
MDG	5.7	6.0	0.3	↑ 5.26%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	48.5	97.0	48.5	↑ 100.00%
LDP	46.9	51.5	4.6	↑ 9.81%
TET	17.7	19.4	1.7	↑ 9.60%
VC3	13.6	14.9	1.3	↑ 9.56%
NVB	6.3	6.9	0.6	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HTI	10.0	9.3	-0.7	↓ -7.00%
HCM	34.6	32.2	-2.4	↓ -6.94%
NBB	24.5	22.8	-1.7	↓ -6.94%
PTK	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%
TCR	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	2.0	1.8	-0.2	↓ -10.00%
SD1	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%
SDB	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
ICG	9.0	8.1	-0.9	↓ -10.00%
SHN	5.0	4.5	-0.5	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	11,314,600	8.1%	1,088	11.1	0.7
ITA	6,869,820	1.3%	139	59.6	0.7
SSI	5,246,180	8.0%	1,193	21.7	1.7
HQC	2,891,530	2.7%	285	24.5	0.7
HAG	2,504,730	7.5%	1,287	19.8	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	8,670,185	6.6%	889	18.7	1.2
SHB	7,292,525	8.6%	958	9.9	0.8
PVX	7,277,400	-82.6%	(4,057)	-	1.7
KLS	5,904,400	7.1%	948	12.1	0.8
SCR	5,617,600	0.4%	53	162.2	-

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
GIL	↑ 6.9%	20.5%	4,807	5.4	1.1
RDP	↑ 6.2%	12.9%	2,145	6.4	0.8
MPC	↑ 5.4%	18.7%	3,883	8.1	1.4
TMT	↑ 5.3%	1.4%	160	49.5	0.7
MDG	↑ 5.3%	1.0%	168	35.7	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGH	↑ 100.0%	7.1%	916	18.7	3.7
LDP	↑ 9.8%	23.6%	5,314	9.7	2.1
TET	↑ 9.6%	3.9%	477	40.7	1.7
VC3	↑ 9.6%	4.6%	1,181	12.6	0.6
NVB	↑ 9.5%	0.6%	62	111.3	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	760,120	1.8%	250	43.6	0.8
PVT	546,000	8.9%	1,029	13.4	1.1
DXG	529,690	13.9%	1,518	10.1	1.3
VCB	363,410	10.4%	1,881	15.2	1.6
PPC	320,820	34.1%	5,122	3.9	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	1,412,700	9.1%	1,123	12.5	1.1
PVS	452,000	21.6%	3,707	6.6	1.3
SDH	221,400	0.3%	26	229.1	0.7
DBC	110,900	12.0%	3,186	6.7	0.8
IVS	58,500	1.4%	146	59.6	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	170,550	40.6%	6,484	13.9	5.1
VNM	115,848	39.6%	7,839	17.7	6.6
MSN	66,142	3.2%	642	140.2	4.6
VCB	66,046	10.4%	1,881	15.2	1.6
VIC	58,615	54.2%	7,404	8.7	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,297	6.6%	889	18.7	1.2
PVS	10,989	21.6%	3,707	6.6	1.3
SQC	8,602	-2.0%	(249)	-	6.5
SHB	8,418	8.6%	958	9.9	0.8
VCG	6,184	9.1%	1,123	12.5	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PPI	2.66	0.0%	8	1,343.8	0.5
KMR	2.61	5.0%	592	11.3	0.5
IDI	2.34	7.4%	1,082	10.8	0.8
HCM	2.30	15.4%	2,688	12.0	1.7
BGM	2.17	0.3%	34	137.3	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	3.58	4.7%	91	49.6	1.5
MMC	3.51	-18.7%	(1,863)	-	0.3
TTZ	3.32	0.3%	28	208.4	0.5
ORS	3.26	-83.9%	(4,851)	-	1.1
VIG	3.16	3.8%	248	18.5	0.7



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)